

Phụ lục I
DANH MỤC HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT CẤM
SỬ DỤNG TRONG THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI
TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật
1	Aristolochia spp và các chế phẩm từ chúng
2	Chloramphenicol
3	Chloroform
4	Chlorpromazine
5	Colchicine
6	Clenbuterol
7	Cypermethrin
8	Ciprofloxacin
9	Cysteamine
10	Các Nitroimidazole khác
11	Deltamethrin
12	Diethylstilbestrol (DES)
13	Dapsone
14	Dimetridazole
15	Enrofloxacin
16	Iprnidazole
17	Green Malachite (Xanh Malachite)
18	Gentian Violet (Crystal violet)
19	Glycopeptides
20	Nitrofurantoin (bao gồm cả Furazolidone)
21	Nhóm Fluoroquinolones
22	Metronidazole
23	Trichlorfon (Dipterex)
24	Trifluralin
25	Ronidazole
26	Vat Yellow 1 (tên gọi khác: flavanthrone, flavanthrene, sandothrene); công thức phân tử: C ₂₈ H ₁₂ N ₂ O ₂ ; danh pháp: benzo[h]benz[5,6]acridino[2,1,9,8- klmna]acridine-8,16-dione.

STT	Tên hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật
27	Vat Yellow 2 (tên gọi khác: Indanthrene); công thức phân tử: $C_{28}H_{14}N_2O_2S_2$; danh pháp: 2,8-diphenylanthra[2,1-d:6,5-d']bisthiazole-6,12-dione.
28	Vat Yellow 3 (tên gọi khác: Mikethrene); công thức phân tử: $C_{28}H_{18}N_2O_4$; danh pháp: N,N'-1,5-Anthraquinonylenebisbenzamide.
29	Vat Yellow 4 (tên gọi khác: Dibenzochrysenedione, Dibenzpyrenequinone); công thức phân tử: $C_{24}H_{12}O_2$; danh pháp: 7,14-Dibenzpyrenequinone.
30	Auramine (tên gọi khác: yellow pyoctanine; glauramine); công thức phân tử: $C_{17}H_{21}N_3$; danh pháp: 4,4'-Carbonimidoylbis[N,N-dimethylbenzenamine] và các dẫn xuất của Auramine.